

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HC-PT

Ngày: 28/02/2023

V/v: “Yêu cầu hủy quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 467/2022/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính” do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1118/2023/QĐPT-HC ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Chị Phùng Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: SN 46, đường Nguyễn Tất T2, xã Định T3, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

*** Người bị kiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim T4 - Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Phạm Thị P1, chức vụ: Phó trưởng phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận thuộc Văn

phòng Đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: 646 phố Đình Ân, phường Khai Q, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Tam D; địa chỉ: Phố M, thị trấn Hợp H, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

- *Người đại diện:* Bà Trương Thị Thúy là Phó giám đốc phụ trách văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Tam D. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982 địa chỉ: Thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Việt:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: SN 46, đường Nguyễn Tất T2, xã Định T3, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Phùng Văn H1 (bố chị P) ở thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) ngày 22/11/1999, thửa 57, tờ 15, diện tích 476m² (trong đó đất ở 200 m², đất vườn 246m²). Năm 2015 ông H1 chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất trên cho chị Phùng Thị P diện tích 242 m² và được Sở Tài nguyên môi trường (TNMT) cấp GCN ngày 28/5/2015 tại thửa số 717, tờ bản đồ 05 ở thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D. Phần diện tích còn lại là 234m² ông H1 vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất số 718, tờ bản đồ 05 tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi được nhà nước cấp GCN chị P và gia đình tiến hành xây dựng nhà cửa, sinh sống ổn định từ đó không tranh chấp với ai. Đến đầu năm 2020 gia đình chị P nhận được thông tin kiến nghị việc gia đình được cấp GCN sai vị trí, vị trí cấp một phần vào diện tích đất công dự kiến làm đường giao thông của xã. Sau đó gia đình chị P nhận được văn bản 933/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 20/4/2020 của Sở TNMT “V/v thống nhất xử lý việc cấp GCNQSDĐ sai vị trí cho hộ bà Phùng Thị P tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D”. Nội dung văn bản 933 thể hiện: Tại thời điểm cấp GCN năm 2015 cho hộ chị P thửa đất của ông H1 theo bản đồ địa chính xã Hợp T1 đo đạc năm 2009 có diện tích tổng là 522,3m², tăng 46,3m² (522,3m²- 476m²), có một cạnh tiếp giáp bờ mương bê tông cứng của Nhà nước. Khi VPĐKĐĐ Chi nhánh Tam D tách thửa đất cho hộ bà P không lấy mốc giới từ đất của ông H1 (từ phía trong) mà lấy mốc giới từ bờ mương cứng của Nhà nước trở vào trong để tách ra **242m²** (thửa số 313, tờ bản đồ 05 bản đồ đo đạc năm 2009). Dẫn đến diện tích **46,3m²** (chưa được cấp GCN) nằm ở vị trí giữa đất của ông Phùng Văn H1 với đất của chị Phùng Thị P. Đây là

sai sót về kỹ thuật, lỗi thuộc về Chi nhánh Tam D. Như vậy VPĐKĐĐ Chi nhánh Tam D thuộc Sở TNMT khi lập hồ sơ cấp GCN cho chị Phùng Thị P ngày 28/5/2015 đã cấp sai vị trí vào một phần diện tích **46,3m²** là đất công nằm trong quy hoạch mở rộng đường giao thông nông thôn của xã Hợp T1.

Ngày 18/6/2020 gia đình chị P nhận được quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT về việc điều chỉnh ranh giới đối với thửa đất của gia đình chị P địa chỉ tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D. Chị Phùng Thị P thấy việc điều chỉnh mốc giới của Sở TNMT tại Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT là không đúng quy định của pháp luật vì hệ thống pháp luật về đất đai của nhà nước không có quy định về việc điều chỉnh GCN thông qua một bản trích lục điều chỉnh mốc giới thửa đất; ngoài ra phần diện tích 46,3m² đất điều chỉnh gia đình đã xây dựng các công trình tại đó, sử dụng ổn định lâu dài không ai có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì. Do việc điều chỉnh mốc giới tại Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của chị P, chị P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy bỏ quyết định này.

Người đại diện của người bị kiện là Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc trình bày:

Hộ ông Phùng Văn H1 (bố chị P) ở thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D được UBND huyện Tam D giao đất năm 1984 và cấp GCN ngày 22/11/1999, thửa 57, tờ 15, diện tích 476m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 246m²). Năm 2015 ông H1 chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất trên cho chị Phùng Thị P 242m² và được Sở TNMT cấp GCN ngày 28/5/2015. Phần còn lại 476m² - 242m² = 234m² hộ ông H1 tiếp tục sử dụng được VPĐKĐĐ Chi nhánh Tam D chỉnh lý biến động tại trang 4 GCN cấp cho ông Phùng Văn H1 năm 1999. Tuy nhiên tại thời điểm cấp GCN năm 2015 cho hộ chị P, thửa đất của hộ ông H1 theo Bản đồ địa chính đo đạc theo hệ tọa độ VN 2000 xã Hợp T1 đo đạc năm 2009 có diện tích tổng là 522,3m², tăng 46,3m² (522,3m² - 476m²), có một cạnh tiếp giáp bờ mương bê tông cứng của Nhà nước. Khi VPĐKĐĐ Chi nhánh Tam D tách thửa đất cho hộ chị P không lấy mốc giới từ đất của ông H1 (từ phía trong) mà lấy mốc giới từ bờ mương cứng của Nhà nước trở vào trong để tách ra **242m²** (thửa số 313, tờ bản đồ 05 bản đồ đo đạc năm 2009). Dẫn đến diện tích **46,3m²** (chưa được cấp GCN) nằm ở vị trí giữa đất của ông Phùng Văn H1 với đất của chị Phùng Thị P. Đây là sai sót về kỹ thuật, lỗi thuộc về VPĐKĐĐ chi nhánh Tam D. Như vậy VPĐKĐĐ Chi nhánh Tam D thuộc Sở TNMT khi lập hồ sơ cấp GCN cho chị Phùng Thị P ngày 28/5/2015 đã cấp sai vị trí vào một phần diện tích **46,3m²** là đất công nằm trong quy hoạch mở rộng đường giao thông nông thôn của xã Hợp T1.

Sau khi nhận được phản ánh kiến nghị của cử tri xã Hợp T1 về việc cấp GCN cho Chị P của Sở TNMT, VPĐKĐĐ chi nhánh Tam D đã phối hợp cùng các ban ngành đoàn thể, UBND xã Hợp T1 làm việc với gia đình chị P, xác định khi cấp GCN cho chị P đã cấp nhầm một phần diện tích đất công của xã quy hoạch mở rộng đường giao thông.

Ngày 21/4/2020, Sở TNMT đã tổ chức buổi làm việc với UBND huyện Tam D, UBND xã Hợp T1, tại buổi làm việc thống nhất điều chỉnh mốc giới cấp GCN cho gia đình chị P theo đúng mốc giới thửa đất trước đây ông H1 được giao đất, cấp GCN. Tuy nhiên chị P không dự hội nghị này. Ngày 09/6/2020, Sở TNMT ban hành theo thẩm quyền Quyết định số 253/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh mốc giới thửa đất của chị Phùng Thị P, địa chỉ thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D.

Ngày 19/6/2020, VPĐKĐĐ-Chi nhánh Tam D phối hợp với UBND xã Hợp T1 đã tổ chức buổi làm việc thực hiện nội dung: Công bố nội dung và giao Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT cho chủ sử dụng đất (giao cho anh Nguyễn Văn V là chồng chị P); đề nghị gia đình chị P bàn giao phần diện tích đất sau khi điều chỉnh mốc giới thửa đất để làm đường giao thông nông thôn; phần diện tích tăng sau khi làm đường gia đình có nhu cầu sẽ được xem xét công nhận QSDĐ và cấp đổi GCN theo trình tự. Sở TNMT tổ chức họp cùng UBND huyện Tam D, UBND xã Hợp T1 đã xin lỗi gia đình chị P để giải quyết vụ việc theo quy định. Tuy nhiên gia đình chị P không đồng ý và có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT về việc điều chỉnh ranh giới đối với thửa đất của gia đình chị P địa chỉ tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D.

Sở TNMT căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Sở TNMT ban hành Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 với nội dung: Giữ nguyên diện tích 242 m² mà ông H1 đã chia tách cho chị P, chỉ điều chỉnh ranh giới, mốc giới diện tích **242m²** về vị trí ban đầu (tiếp giáp với 234 m² đất của ông H1) là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Việc chị P đề nghị hủy Quyết định này là không có căn cứ pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm:

- **VPĐKĐĐ Chi nhánh Tam D:** Quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện quan điểm như nội dung và ý kiến của người bị kiện. VPĐKĐĐ chi nhánh Tam D cho rằng tại thời điểm năm 2015 hộ ông H1 được nhà nước cấp GCN 476 m² nhưng gia đình ông H1 đã sử dụng cả phần diện tích hành lang giao thông là 46,3m² nâng tổng diện tích theo hiện trạng là 522,3m². Do vậy VPĐKĐĐ Chi nhánh Tam D căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông H1 để tách thửa (tính 242m² từ mép đường liên thôn trở vào cho con gái là chị P sử dụng) trình Sở TNMT cấp GCN cho chị P, phần diện tích còn lại theo GCN 234m². Khi văn phòng kiểm tra hiện trạng thấy hộ ông H1 đã có tường xây kiên cố bằng gạch (tường xây đã cũ) ngăn cách giữa đất hộ ông H1 với phần đất hiện đang là đường giao thông và gia đình ông H1 cũng chỉ ranh giới từ vị trí đó. Do thấy hộ gia đình ông H1 sử dụng theo ranh giới đó nên cán bộ văn phòng tin tưởng, không kiểm tra lại phần diện tích còn lại của hộ gia đình ông H1 đã không phát hiện ra tại thời điểm này gia đình ông H1 đã xây tường và sử dụng vào đất hành lang giao thông nên đo tách thửa cho chị P theo sự chỉ dẫn của gia đình ông H1 dẫn đến sai sót. Khi phát hiện ra sai sót văn phòng đã làm thủ tục và trình Sở TNMT điều chỉnh lại ranh giới cho phù hợp thực

tế. Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh Tam D có quan điểm việc Sở TNMT căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Sở TNMT ban hành Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 là đúng pháp luật.

- **Anh Nguyễn Văn V** (chồng chị P) có quan điểm như yêu cầu của người khởi kiện là đề nghị hủy Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Ông Nguyễn Văn H1**: Quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện quan điểm: Ông được nhà nước giao quyền sử dụng 476m² đất thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D và đã được cấp GCN. Năm 2015, ông tặng cho chị P với diện tích 242m² được cắt từ thửa đất của ông. Chị P đã được cấp GCN đối với diện tích đất được tặng cho. Quá trình sử dụng đất từ trước đến nay không có tranh chấp gì về mốc giới, đất được sử dụng ổn định lâu dài, hiện ông H1 đang quản lý sử dụng 234m² đất còn lại. Sau khi được tặng cho, chị P đã xây dựng công trình kiên cố và sử dụng từ đó cho đến nay. Chị P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh hủy bỏ Quyết định số 253/QĐ-STNMT, ông có quan điểm: Diện tích 242m², ông cho chị P từ lâu, hiện đang thuộc quyền quản lý và sử dụng của chị P, quá trình tặng cho không xảy ra tranh chấp gì, vì vậy ông không liên quan gì đến đất của chị P đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Khi ông sử dụng phần diện tích đất còn lại là 234m², khoảng năm 2015 do đất nhà ông và nhà anh C (hàng xóm giáp ranh phía sau bên trái nhà ông) đều bị méo nên 02 bên thống nhất đổi đất, diện tích đất đổi tương đương nhau. Khi đo đạc thực tế, nếu ông đang sử dụng diện tích đất nhiều hơn diện tích đất được cấp trong GCN, thì phần đất thừa này ông không đề nghị giải quyết vì ông đã sử dụng ổn định, lâu dài. Đất nhà chị P và anh V đã được cắm mốc giới nên ông không liên quan gì. Thời điểm ông được cấp GCN đất cho đến khi ông tặng cho chị P thì mốc giới đúng như thời điểm hiện tại gia đình chị P sử dụng và xây dựng công trình.

Tại Bản án sơ hành chính thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị P về việc đề nghị hủy Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT về việc điều chỉnh ranh giới đối với thửa đất của gia đình bà P địa chỉ tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phùng Thị P phải chịu là 4.400.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/4/2022, anh Nguyễn Văn H (Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - bà Phùng Thị P) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị P, anh V và anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị P, anh V và ông H trình bày: Bà P đã được phân chia di sản thừa kế và được phân chia đất. Bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2020 Văn phòng quản lý đất đai Tam D đã lập sơ đồ mốc giới. Sau đó ban hành quyết định điều chỉnh mốc giới của nhà bà P. Sau khi được phê duyệt năm 2015 gia đình bà P đã chia tách và cấp cho bà P thì diện tích đất của ông H1 là bố bà P đã được phê duyệt. Trên đất ông H1 và bà P đã xây dựng kiên cố. Theo điều chỉnh mốc giới thì phải đập cả trụ ngôi nhà và phía trước ngôi nhà. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận bản án sơ thẩm và huỷ bỏ Quyết định vì không đúng thẩm quyền, trình tự quy định pháp luật là không đúng, những căn cứ pháp lý của ông Việt, bà P được cấp giấy chứng nhận một cách hợp pháp, thứ ba không thi hành được theo đúng thực tế.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án của Tòa án phúc thẩm đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật TTHC năm 2015, bác kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H (Là người đại diện ủy quyền của người khởi kiện là chị Phùng Thị P) nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2

Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người bị kiện; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện; người bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho người bị kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 157 của Luật tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo anh Nguyễn Văn H (Là người đại diện ủy quyền của người khởi kiện là chị Phùng Thị P) yêu cầu hủy Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TNMT về việc điều chỉnh ranh giới đối với thửa đất của gia đình bà P địa chỉ tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Năm 1999, ông Phùng Văn H1 (bố đẻ chị P) được cấp GCNQSD thửa đất số 57, tờ bản đồ số 15, diện tích 476m² tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D (số bản đồ và thửa đất theo bản đồ địa chính năm 1999). Năm 2015, ông H1 tặng cho chị P diện tích 242m² (trong đó 100m² đất ở; 142m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 717, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại thôn Tân T, xã Hợp T1, huyện Tam D; đến ngày 28/5/2015, chị P được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSD đất. Phần diện tích 234m² còn lại thuộc thửa số 718, tờ bản đồ số 05, ông H1 tiếp tục sử dụng. Sau khi được cấp GCNQSD đối với thửa đất trên, gia đình chị P xây nhà và sinh sống trên vị trí diện tích đất được nhà nước cấp GCNQSD. Tại thời điểm cấp GCNQSD đất cho chị P năm 2015, thửa đất của ông H1 theo Bản đồ địa chính xã Hợp T1 năm 2009 có tổng diện tích 522,3m² (tăng 46,3m²) và có 01 cạnh tiếp giáp bờ mương cứng của Nhà nước. Khi Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tam D tách thửa đất cho bà P đã không lấy mốc giới từ đất của ông H1 (từ phía trong) mà lấy mốc giới từ bờ mương cứng của Nhà nước trở vào trong nên diện tích 242m² cấp GSCQSD đất cho bà P có 46m² là đất công nằm trong quy hoạch mở rộng đường giao thông nông thôn của xã Hợp T1.

[2.2] Tài liệu quản lý đất đai tại địa P còn thể hiện trước khi gia đình ông H1 làm thủ tục chia di sản cho chị P vào năm 2015 để căn cứ vào đó VPĐKĐĐ chi nhánh Tam D làm thủ tục tách thửa đất của ông H1 cho chị P thì trước đó gia đình ông H1, chị P đã có đơn đề nghị tách thửa đất trên. Cụ thể đó là: Gia đình ông H1 đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/11/2014 tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phúc cho anh V, chị P với diện tích 216m². Căn cứ vào Hợp đồng ngày 07/11/2014, UBND xã Hợp T1, huyện Tam D đã xác nhận đơn đề nghị tách thửa của anh V và cấp trích lục sơ đồ thửa đất ngày 25/12/2014 kèm theo hồ sơ tách thửa (có sơ đồ kèm theo) thể hiện rõ phần diện tích đất dự kiến mở đường giao thông, gia đình ông H1, chị P đã nộp hồ sơ này tại cơ quan quản lý đất đai. Điều này có cơ sở xác định rõ ông H1, chị P và mọi người trong gia đình đều biết rất rõ phần diện tích gia đình xây tường rào, sân gạch là đất công dự kiến mở đường nhưng khi VPĐKĐĐ chi nhánh Tam D đến lập hồ sơ

tách thửa cho chị P thì gia đình ông H1 lại xác định đó là đất của gia đình nên việc chị P, anh V cho rằng đó là đất có nguồn gốc của ông H1 là không đúng.

[2.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị P, anh V thừa nhận tại thời điểm năm 2015 khi Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh Tam D tiến hành đo đạc, tách thửa đất của ông H1 cho chị P thì ranh giới hiện nay chị P đang sử dụng đã được ông H1 xây tường ngăn cách với đường giao thông, điều này phù hợp với trình bày của ông H1, trình bày của Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh Tam D về việc gia đình ông H1 chỉ ranh giới để căn cứ vào đó văn phòng lập hồ sơ tách thửa trình Sở TNMT cấp GCN cho chị P.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thấy toàn bộ những gia đình cùng phía gia đình chị P, anh V khi xây dựng công trình thì họ đều để lại diện tích đất có nguồn gốc nương dùng tưới tiêu để làm đường giao thông, không có gia đình nào xây dựng vào phần diện tích này chỉ duy nhất gia đình chị P, anh V xây dựng, việc xây dựng phần công trình của anh V, chị P làm lỗi ra đường gây mất cảnh quan, khuất tầm nhìn nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông.

[2.5] Tại kết quả của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đo đạc bản đồ CDP ngày 06/01/2022 hoàn toàn phù hợp với hồ sơ quản lý đất đai lưu giữ tại địa P và diện tích 46,3m² đất đã được Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc điều chỉnh tại Quyết định 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020. Ngoài ra tại Văn bản số: 40/BC - CNTD ngày 28/3/2022 của Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh Tam D cũng xác định nếu thực hiện đúng việc điều chỉnh mốc giới theo Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 của Sở TN&MT thì gia đình chị P chỉ bị ảnh hưởng phần công, sân và không ảnh hưởng gì đến ngôi nhà đang ở.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định: Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ vào các quy định của pháp luật ban hành Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 09/6/2020 điều chỉnh vị trí trong GCNQSD đã cấp cho gia đình chị P là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh Hưng không được chấp nhận.

[3]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của chị Phùng Thị P giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, chị Phùng Thị P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là chị Phùng Thị P và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chị Phùng Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0006842 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Việt Hà